

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Typ	Status	Bearing	Dist	Prot	Clearance	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Cor	Svc dBu	Int Cont	Int dBu	Old Pop	New Po	Total Po	Old Pop	New Po
NEW	130285	BNPTV	LOREDO	LP NTS	A	3.000	C/M	Interf	340.78	6.8	245	-150.3	45	0.0	6.0	0	VLO	5 -	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	0.0%	100.0%	190162	190162	0
	97258		EL JABAN	TSC A		0.000	D/M	Bad Data	258.82	138.2	273	-134.8	45	0.0	6.0	2	VLO	5 -	Co	LR	F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	125613	BNPTV	LAREDO	LP NTS	A	0.300	C/M	Interf	339.24	9.6	245	-127.1	45	0.0	6.0	0	VLO	5 +	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	0.0%	100.0%	109132	109132	0
NEW	96917		SABIN	TSC A		100.000	D/M	Clean	285.79	167.1	273	-105.9	45	0.0	6.0	2	VLO	5 Z	Co	LR	F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
XHSDD	185220	BPFS20	SABIN	TSC	LIC	3.800	D/M	Clean	287.02	169.7	273	-103.3	45	0.0	6.0	0	VLO	5 Z	Co	LR	F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
XHAE	98591		SALTIL	TSC	LIC	3.600	D/M	Clean	213.77	269.8	273	-3.2	45	0.0	6.0	2	VLO	5 +	Co	LR	F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	181637	BNPDV	LAREDO	LP DTV	A	0.300	M	Clean	140.21	6.0	245	-	-48	10.0	4.0	0	VLO	6 T	A+1	LR	F(50,90)	43	-	-	0.0%	0.0%	189505	189505	189505
NEW	182188	BNPDV	LAREDO	LP DTV	A	0.300	M	Clean	339.15	9.6	245	-	-48	10.0	4.0	0	VLO	6 T	A+1	LR	F(50,90)	43	-	-	0.0%	0.0%	190363	190363	190363
NEW	181087	BNPDV	KINGSV	LP DTV	A	0.010	M	Clean	88.44	160.3	245	-	-48	10.0	4.0	0	VLO	6	A+1	LR	F(50,90)	43	-	-	0.0%	0.0%	31523	31523	31523
KCCZ-L	131092	BDISDV	CORPUL	LP DTV	A	0.300	M	Clean	78.68	209.0	245	-	-48	10.0	4.0	0	VLO	6	A+1	LR	F(50,90)	43	-	-	0.0%	0.0%	356807	356807	356807
KCWX-L	24316	BPCDT	FREDE	DTV	CP	23.700	D/M	Clean	15.73	311.4	245	66.4	2	10.0	4.0	2	VLO	5	Co	LR	F(50,90)	28	-	-	0.0%	0.0%	301994	301994	301994
KCWX	24316	BPCDT	FREDE	DTV	APP	82.900	D/M	Interf	15.73	311.4	245	66.4	2	10.0	4.0	2	VLO	5	Co	LR	F(50,90)	28	-	-	0.0%	0.0%	331101	331101	331098
	98662		PIEDRA	TSC A		0.000	D/M	Bad Data	322.61	172.8	96	76.8	-3	0.0	6.0	2	VLO	6 -	A+1	LR	F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
XET	98663		MONT	TSC	LIC	80.000	D/M	Clean	200.40	214.7	96	118.7	-3	0.0	6.0	2	VLO	6 Z	A+1	LR	F(50,50)	47	-	-	0.0%	0.0%	280	280	280
K06MY	57999	BLTVL2	RIO GR	LP NTS	LIC	0.040	C/M	Clean	153.75	128.4	245	121.6	-6	0.0	6.0	0	VLO	6 Z	A+1	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	68	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
XHO-TV	180640	BPFS20	SAN P	TSC	LIC	100.000	D/M	Clean	242.80	396.9	273	123.9	45	0.0	6.0	0	VLO	5 Z	Co	LR	F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
XHSDD	178669	BPFS20	PALAU	LP NTS	LIC	2.600	C/M	Clean	284.37	195.7	245	167.0	-6	0.0	6.0	2	VLO	6 Z	A+1	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	68	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K49HH	67303	BMPTV	UVALD	LP NTS	A	0.990	C/M	Clean	352.88	203.7	245	181.7	-6	0.0	6.0	0	VLO	6 +	A+1	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	68	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K49HH	67303	BDISTV	UVALD	LP NTS	CP	0.990	C/M	Clean	356.55	213.8	245	186.7	-6	0.0	6.0	0	VLO	6 +	A+1	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	68	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K05EF	10043	BLTVL3	BRADY	LP NTS	LIC	0.068	C/M	Clean	1.44	406.1	245	275.9	45	0.0	6.0	0	VLO	5	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C